



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG V/2016



HÀ NỘI, THÁNG VI/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Website: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2016	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2016.....	14
1. Đối với cây lúa	15
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	17
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII, VIII/2016.....	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng V/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -667mm đến 253mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -69 giờ đến 35 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -9% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng V/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

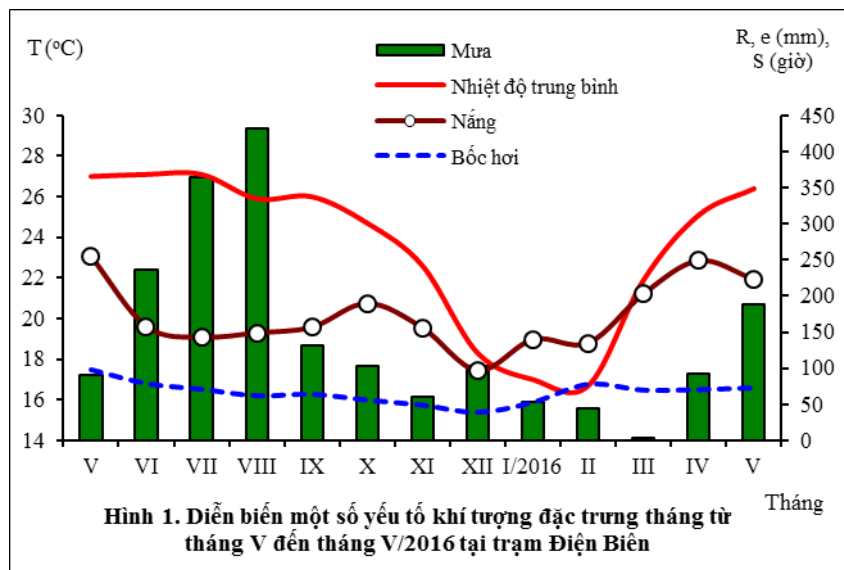
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,2$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,3^{\circ}\text{C}$ đến $28,3^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $17,8^{\circ}\text{C}$ đến $25,3^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $14,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 17/V tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,2^{\circ}\text{C}$ đến $34,7^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $40,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 10/V tại Mường Tè. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng V/2015 đến tháng V/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-97mm đến 179mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến



dao động trong khoảng từ 102mm đến 347mm, cao nhất là 403mm tại Kim Bôi (Hòa Bình).

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 25mm đến 89mm, cao nhất là 202mm vào ngày 25/V tại Kim Bôi.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 19 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 11 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng V/2015 đến tháng V/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -25 giờ đến 35 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 151 giờ đến 227 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2016 dao động từ 67% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 3/V tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng V/2016 có giá trị phổ biến từ 59mm đến 136mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-340mm đến -25mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 8mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 14 ngày, trong đó nhiều nơi có từ 1 đến 6 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 17 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng V/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN ($0,6^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

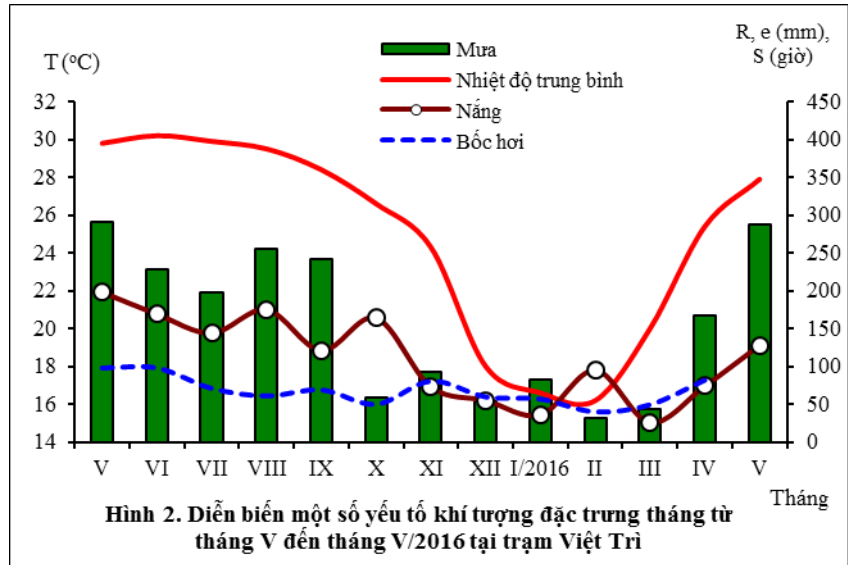
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $20,2^{\circ}\text{C}$ đến $28,6^{\circ}\text{C}$;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $17,7^{\circ}\text{C}$ đến $27,3^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $13,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 17/V tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $23,6^{\circ}\text{C}$ đến $32,9^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí cao nhất là $36,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 6/V tại Nghĩa Lộ.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 97mm đến 355mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-667mm đến 129mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng V/2015 đến tháng



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2016 tại trạm Việt Trì

V/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 25mm đến 156mm, cao nhất là 235mm xảy ra vào ngày 24/V tại Yên Bái. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 11 - 22 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 17 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 122 giờ đến 205 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-64 giờ đến 20 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2016 phổ biến từ 78 đến 86%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 4%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31%, xảy ra vào ngày 16/V tại Phú Hộ.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 59mm đến 102mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-275mm đến -30mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 10mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 14 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

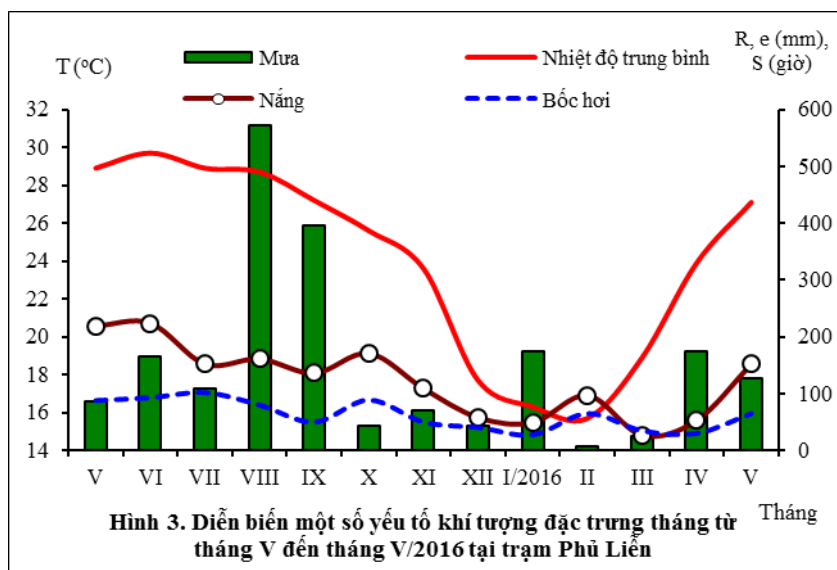
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 1,0⁰C); có giá trị dao động từ 25,0⁰C đến 28,2⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 29,3⁰C đến 33,0⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,8⁰C xảy ra vào ngày 6/V tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,0⁰C đến 25,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 13,9⁰C xảy ra vào ngày 7/V tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng V/2016 dao động phổ biến từ 64mm đến 205mm, cao nhất là 223mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-171mm đến -28mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 19 đến



136mm, cao nhất là 152mm xảy ra vào ngày 20/V tại Móng Cái.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 12 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-67 giờ đến 32 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 129 giờ đến 175 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 78 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-1% đến 3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 16/V tại Thất Khê.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 65mm đến 116mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-31mm đến 70mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 2 đến 10 ngày, trong đó tại Bảo Lạc có 2 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 9 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 27,8⁰C đến 28,8⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,6⁰C đến 1,6⁰C) (hình 10);

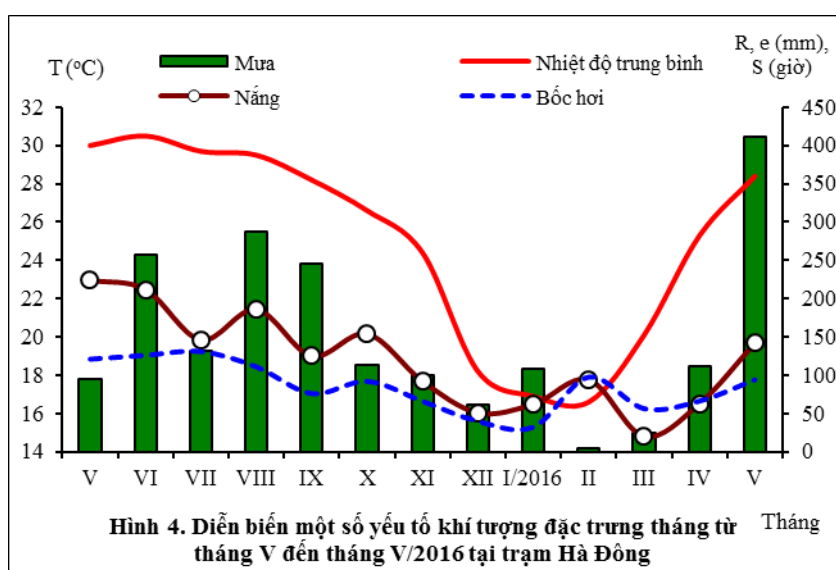
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,9⁰C đến 33,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,9⁰C xảy ra vào ngày 20/V tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,1⁰C đến 26,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,5⁰C xảy ra vào ngày 16/V tại Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-49mm đến 167mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 41mm đến 249mm, cao nhất là 412mm tại Hà Đông.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 21 đến 190mm, cao nhất là 338mm xảy ra vào ngày 25/V tại Hà Đông; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông



được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 132 giờ đến 203 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -69 giờ đến -14 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 77% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-7% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 16/V tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 50mm đến 94mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -318mm đến -64mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 2 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 17 ngày;

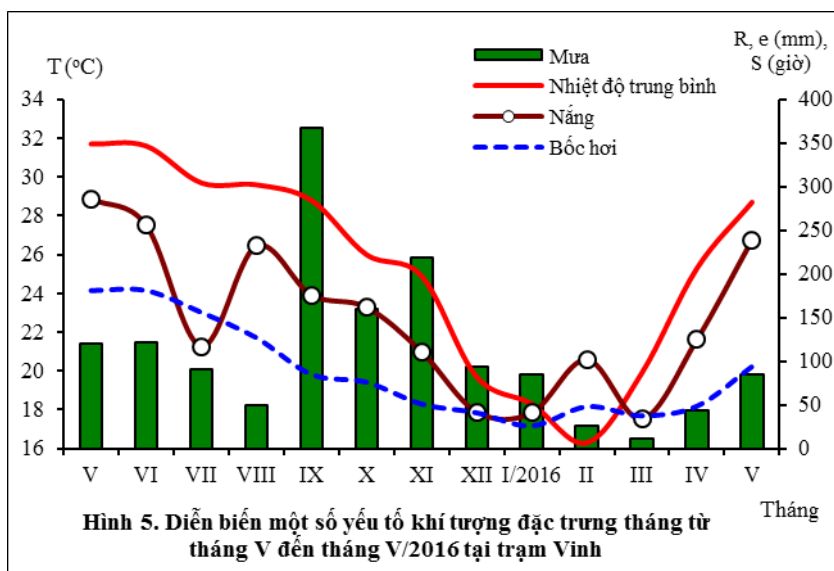
5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $27,2^{\circ}\text{C}$ đến $28,9^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $30,4^{\circ}\text{C}$ đến $35,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $40,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 9/V tại Cửa Rào.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $24,2^{\circ}\text{C}$ đến $25,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $20,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 17/V tại Hồi Xuân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 54mm đến 176mm, cao nhất là 221mm tại Quỳnh Châu. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-83mm đến 58mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17 đến 82mm, cao nhất là 118mm, xảy ra vào ngày 21/V tại Tĩnh Gia.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 174 đến 257 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -30 giờ đến 28 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 20/V tại Cửa Rào.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 61mm đến 114mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-29mm đến 147mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 9 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 7 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 20 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2016 từ 25,0⁰C đến 29,2⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,8⁰C đến 36,3⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,8⁰C xảy ra vào ngày 9/V tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,4⁰C đến 26,6⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 18,2⁰C xảy ra vào ngày 17/V tại A Lưới.

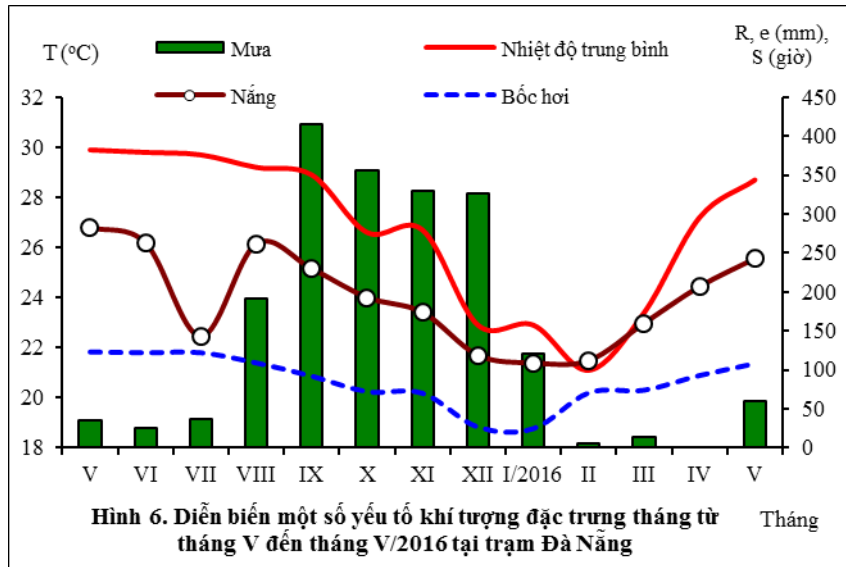
6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng V/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 25mm đến 206mm, cao nhất là 298mm tại A Lưới. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-55mm đến 55mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ

biến từ 18 đến 65mm, cao nhất là 102mm xảy ra vào ngày 13/V tại Ba Đồn.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 18 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V/2016 đến tháng V/2016 tại trạm Đà Nẵng

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 165 giờ đến 262 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-38 giờ đến 15 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 3%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 6/V tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 59mm đến 108mm, cao nhất là 113mm tại Khe Sanh. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm, cao nhất là 12mm tại Đồng Hới vào ngày 28/V. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-50mm đến 118mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 24 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

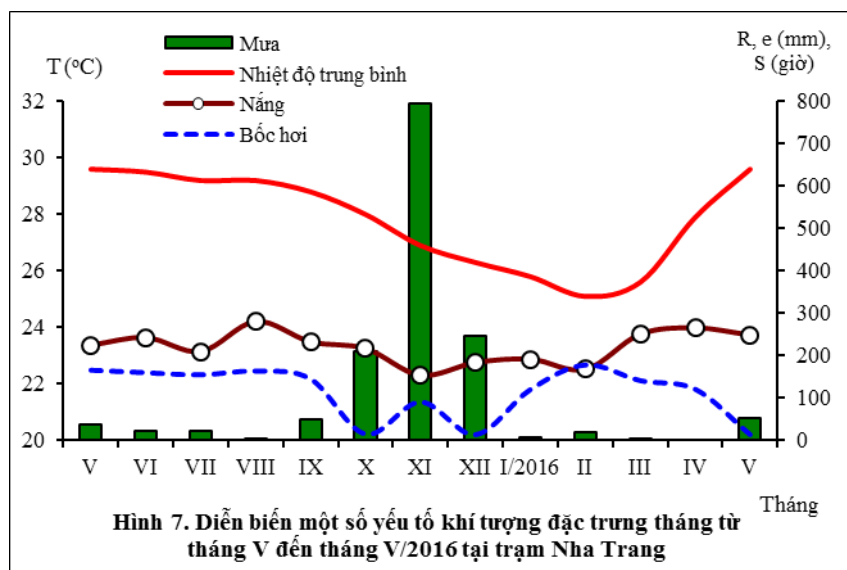
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2016 từ $29,3^{\circ}\text{C}$ đến $30,7^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,6$ đến $1,5^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $32,5^{\circ}\text{C}$ đến $35,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $38,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/V tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $25,6^{\circ}\text{C}$ đến $28,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,8^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 17/V tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 3mm đến 160mm, cao nhất là 254mm tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -85mm đến 118mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2016 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2mm đến 53mm, cao nhất là 83mm, xảy ra vào ngày 20/V tại Phan Thiết.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 3 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 7 đến 23 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 249 giờ đến 284 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-12 giờ đến 13 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 72% đến 80%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -1 đến -4%) (hình 13); giá trị độ ẩm không

khí thấp nhất là 39% xảy ra vào ngày 16/V tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 176mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 10mm, cao nhất là 14mm xảy ra tại Nha Trang vào ngày 01/V. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-76mm đến 102mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 9 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 8 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2016 từ $20,5^{\circ}\text{C}$ đến $30,2^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,8^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

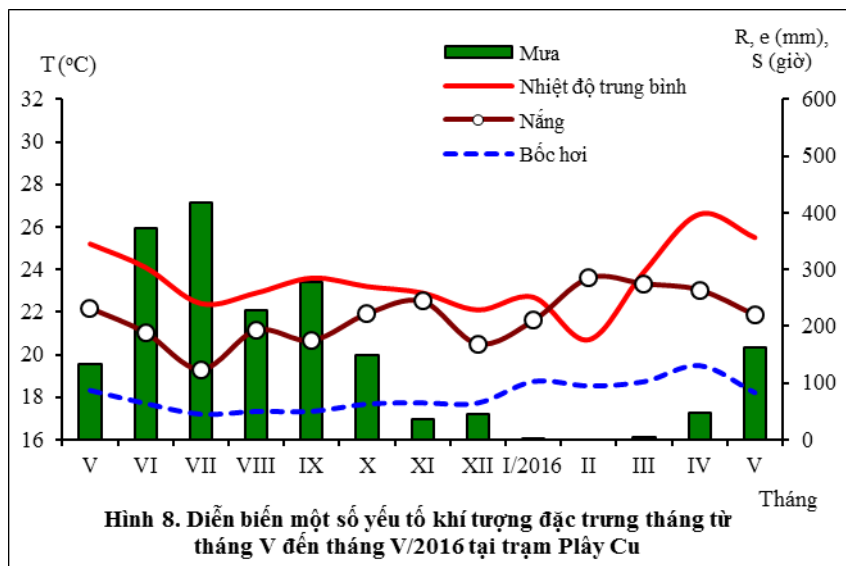
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $25,9^{\circ}\text{C}$ đến $36,8^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $39,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 8/V tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,9^{\circ}\text{C}$ đến $26,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $15,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 07/V tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2016 dao động từ 89mm đến 248mm, cao nhất là 270mm tại Ayunpa. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -91mm đến 22mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 26mm đến 79mm, cao nhất là 91mm vào ngày 22/V tại Ayunpa. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 10 đến 25 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 18 ngày, số



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2016 tại trạm Plây Cu

ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2016 phổ biến từ 165 giờ đến 248 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-43 giờ đến 11 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-1% đến -5%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 71% đến 86%; độ ẩm không khí thấp nhất là 30% xảy ra vào ngày 07/V tại Buôn Ma Thuột.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 45mm đến 124mm, cao nhất là 155mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-179mm đến -14mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số vùng từ 7 đến 19 ngày, trong đó từ 2 đến 7 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 7 đến 21 ngày.

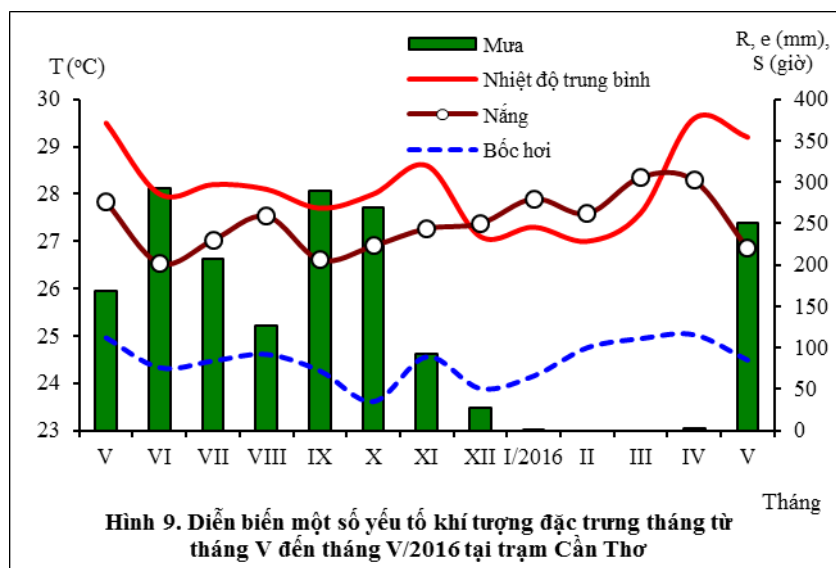
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2016 từ 28,9⁰C đến 30,9⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,7⁰C đến 2,6⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,6⁰C đến 36,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 40,0⁰C xảy ra vào ngày 5/V tại Đồng Phú.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0⁰C đến 28,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,8⁰C xảy ra vào ngày 31/V tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2016 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2016 dao động phổ biến từ 83mm đến 304mm, cao nhất là 377 giờ tại Rạch Giá; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-115 giờ đến 149 giờ).
- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 15mm đến 106mm, cao nhất là 128mm xảy ra vào ngày 22/V tại Côn Đảo.
- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 10 đến 20 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 17 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2016 phổ biến từ 101 giờ đến 244 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21 giờ đến 30 giờ) (hình 12).
- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 70% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-2% đến -9%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 11% xảy ra vào ngày 14/V tại Biên Hòa.
- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 73mm đến 130mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng (-41mm đến 277mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 21 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 9 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 6 đến 19 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2016

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng V/2016 ở hầu hết các địa phương phía Bắc tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Nền nhiệt và số giờ nắng chủ yếu ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN một ít, lượng mưa và số ngày mưa tăng đảm bảo được cho lúa xuân ở Miền Bắc trổ bông, chắc xanh. Tuy nhiên điều kiện thời tiết trong tháng V/2016 cũng thuận lợi cho sâu bệnh phát triển trên diện rộng. Ở Miền Nam đã bắt đầu vào mùa mưa do vậy lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể so với các tháng, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã giảm được tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn.

Trong tháng V ở hầu hết các địa phương số ngày có dông tăng, lượng mưa dông lớn. Đặc biệt, ở hầu hết các khu vực đều xuất hiện gió tây khô nóng, một số vùng như Tây Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ xuất hiện các đợt gió tây khô nóng với cường độ mạnh ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng V, tại các tỉnh phía Bắc, hoạt động trồng trọt tập trung chăm sóc, khai thác các nguồn nước để tưới dưỡng lúa đông xuân, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Nhìn chung các trà lúa đều sinh trưởng và phát triển khá tốt, trà sớm đang trong giai đoạn trổ bông một số nơi đã cho thu hoạch như: Vùng Bắc Trung bộ đã cho thu hoạch khoảng 70-80% diện tích gieo cấy. Tại các tỉnh phía Nam đã cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân, diện tích thu hoạch toàn miền đạt gần 1.834 ngàn ha, đạt 95,3% diện tích gieo cấy và bằng 95,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất thu hoạch với sản lượng ước tính 10.127 ngàn tấn, giảm khoảng 1,13 triệu tấn (-10,2%) so với cùng kỳ. Hiện tại các tỉnh miền Nam đang tích cực làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngăn ngày vụ hè thu

1. Đối với cây lúa

1.1. Miền Bắc

Tháng V là tháng bắt đầu mùa mưa, lượng mưa và số ngày mưa đã tăng so với các tháng trước, một số khu vực thuộc trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ có lượng mưa tháng thấp hơn so với TBNN tuy nhiên lượng nước vẫn đủ cung cấp cho sản xuất nông nghiệp, thời tiết dịu mát. Một vài khu vực bị ảnh hưởng của gió tây khô nóng nhưng cường độ không mạnh, cao nhất là khu vực Yên Châu, cả tháng có 14 đợt trong đó có 6 đợt có cường độ mạnh. Số ngày xuất hiện dông lốc tăng kèm theo mưa lớn gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

Ở vùng Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ, gió tây khô nóng giảm so với cùng kỳ, phần lớn là cường độ nhẹ, thời tiết mát mẻ thuận lợi cho thu hoạch lúa đông xuân.

Tính đến cuối tháng, các địa phương phía Bắc đã kết thúc gieo cấy lúa đông xuân với diện tích ước tính đạt hơn 1,15 triệu ha, bằng 99,4% so với cùng kỳ năm trước. Vùng Đồng bằng sông Hồng gieo cấy 547,3 ngàn ha, giảm (-1,2%) so với cùng kỳ. Hiện nay lúa đông xuân ở nhiều tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản trổ thoát được bà con nông dân chăm bón kịp thời, giữ nước dưỡng lúa, thời tiết thuận lợi. Theo báo cáo của các địa phương, nhìn chung các trà lúa đều sinh trưởng, phát triển tốt; lúa có độ đồng đều tương đối cao, triển vọng cho năng suất khá, nguyên nhân chủ yếu là do chuyển đổi mục đích sử dụng, ước tính năng suất toàn miền Bắc năm nay giảm nhẹ (-1 tạ/ha) do đầu vụ thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài, điển hình như: Bắc Ninh giảm khoảng 1,3 tạ/ha, Hải Dương giảm khoảng 1 tạ/ha, Hà Nội giảm khoảng 0,6 tạ/ha. Đến

nay, các tỉnh miền Bắc đã thu hoạch được gần 185 ngàn ha, đạt 16,3% diện tích gieo cấy.

Do nền nhiệt và số giờ nắng cao, lượng mưa và số ngày mưa nhiều nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh trên lúa phát triển, nhưng các địa phương đã chủ động có các biện pháp phòng trừ, khống chế kịp thời, nên nhìn chung gây thiệt hại không lớn.

Ngoài lúa, các cây rau, màu vụ xuân các địa phương đã cơ bản thu hoạch xong, số còn lại đang tiếp tục thu hoạch và chuyển trọng tâm sang chuẩn bị triển khai gieo trồng vụ thu/mùa.

1.2. Miền Nam

Trong tháng V các địa phương phía Nam về cơ bản đã kết thúc thu hoạch lúa đông xuân chuyển trọng tâm sang lúa hè thu đồng thời làm đất gieo trồng các cây rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

Tháng V gió Tây Nam bắt đầu thổi mạnh ảnh hưởng đến Nam Bộ và Tây Nguyên mang theo mưa rào và dông ở hầu hết các địa phương. Nắng nóng giảm, nền nhiệt cao hơn TBNN, các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc xoáy, sét vẫn thường xảy ra. So với cùng kỳ nhiều năm thì tháng V năm nay hiện tượng gió Tây khô nóng có giảm đi rõ rệt, ngoại trừ một số khu vực Nam Bộ bị ảnh hưởng với cường mạnh.

Tính đến cuối tháng V/2016 các địa phương miền Nam đã thu hoạch được gần 1.834 ngàn ha, đạt 95,3% diện tích gieo cấy và bằng 95,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất thu hoạch với sản lượng ước tính 10.127 ngàn tấn, giảm khoảng 1,13 triệu tấn (-10,2%) so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính sản lượng vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm là do hạn hán, nhiễm mặn trên diện rộng, đặc biệt tỉnh Bến Tre thiệt hại 100% (-15,34 ngàn ha) diện tích gieo trồng do nhiễm mặn; Kiên Giang giảm 374,2 nghìn tấn; Trà Vinh giảm 196,6 nghìn tấn, Long An giảm 163,2 nghìn tấn, Vĩnh Long giảm 46,5 nghìn tấn so đông xuân 2015.

Cũng do hạn hán kéo dài nên diện tích, năng suất và sản lượng lúa các tỉnh Tây Nguyên, và Duyên hải miền Trung cũng giảm mạnh. Theo báo cáo, diện tích giảm 18 nghìn ha (-5,8%), năng suất ước giảm 6,6 tạ/ha (-5,5%) nên sản lượng lúa 2 vùng trên đạt 1,72 triệu tấn, giảm 204 nghìn tấn (-10,6%); trong đó sản lượng lúa một số tỉnh giảm mạnh: Quảng Nam giảm 10%; Quảng Ngãi giảm 9,6%; Ninh Thuận giảm 12%; Gia Lai giảm 14%, Đắk Lắk giảm 13%...

Nửa cuối tháng là thời kỳ gieo sạ lúa hè thu ở các tỉnh Phía Nam. Hiện nay các tỉnh miền Nam đã xuống giống lúa hè thu đạt 1.041,5 ngàn ha, bằng 82,8%

so với cùng kì năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 959,2 ngàn ha, bằng 81,7%. So với tháng trước và cùng kỳ này nhiều năm, lượng mưa và số ngày mưa tăng lên đáng kể, đã phần nào giải quyết được tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp kéo dài trong thời gian qua và làm giảm khả năng xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mưa đến tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ xuống giống lúa hè thu. Một số địa phương chuyển diện tích trồng màu, đất trồng cây ăn quả kém hiệu quả sang trồng lúa hè thu.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Trong tháng các địa phương trong cả nước đã bắt đầu triển khai trồng các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu, mùa. Tính từ đầu năm đến ngày cuối tháng V, tổng diện tích gieo trồng các cây hoa màu trên cả nước mới đạt gần 993 ngàn ha, bằng 97,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích ngô đạt gần 649 ngàn ha, khoai lang đạt gần 82 ngàn ha, sắn đạt 255,8 ngàn ha. Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 342,1 ngàn ha, bằng 84,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, cây lạc đạt 147,4 ngàn ha, đậu tương đạt 41,9 ngàn ha, mía đạt 111,2 ngàn ha, thuốc lá, thuốc Lào đạt 16,3 ngàn ha. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 572,4 ngàn ha, bằng 101% so với cùng kỳ năm trước

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp mù, chè lớn lá thật 1, nảy chồi trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 1).

Ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ: Ngô đang trong giai đoạn chín sữa, lạc hình thành củ trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

Chăn nuôi gia súc chịu ảnh hưởng của khô hạn ở miền Trung và Tây Nguyên trong thời gian vừa qua, lượng nước trên địa bàn khan hiếm, các đồng cỏ bị khô cháy dẫn đến thiếu hụt nguồn thức ăn cho đàn gia súc. Theo số liệu ước tính của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tổng số trâu cả nước tháng 5 giảm 1,5-2%, tổng số bò tăng khoảng 1-1,5% so với cùng kỳ năm 2015. Chăn nuôi gia cầm phát triển ổn định và duy trì đà tăng, ước tính tổng số gia cầm của cả nước tháng 5 tăng 3 - 3,5% so với cùng kỳ năm 2015.

3. Tình hình sâu bệnh

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 161.233 ha, diện tích nhiễm nặng 21.494 ha, mất trắng 34,2 ha (10 ha Vĩnh Phúc; 23,95 ha Quảng Bình; 0,2 ha Nghệ An). Dịch tập trung chủ yếu tại Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Dịch gây hại chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 132.431 ha, diện tích nhiễm nặng 12.235 ha.

- Đạo ôn lá: Dịch hại chủ yếu tại các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 21.498 ha; diện tích nhiễm nặng 633 ha.

- Đạo ôn cổ bông: Dịch hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 3.329 ha, diện tích nhiễm nặng 89 ha,

- Chuột: Tổng diện tích bị hại 11.479,6 ha, trong đó diện tích bị hại nặng 658,5 ha. Chuột hại tại các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 6.352 ha, giảm 1.552 ha so với cùng kỳ năm trước, diện tích nhiễm nặng 152 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở các tỉnh Phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 116.608 ha,

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 6.970 ha, diện tích nhiễm nặng 55,5 ha tập trung tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 1.117,9 ha, sâu non gây hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Nhện gié hại rải rác ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 3.258 ha.

- Ốc brou vàng hại lúa với diện tích 6.479 ha; Diện tích nhiễm nặng 500 ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII, VIII/2016

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VI, VII, VIII năm 2016 cho thấy, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên hầu hết diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến 77%, hụt chuẩn chỉ xảy ra ở một vài nơi thuộc Trung và Nam Trung Bộ. Chuẩn sai nhiệt độ có giá trị chủ yếu từ 0,5 đến trên 1,5°C.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng cận đến hụt chuẩn ở Việt Bắc, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng vượt chuẩn ở một phần diện tích Bắc Bộ và phần lớn diện tích Tây Nam Bộ với xác suất từ 55-77%. Chuẩn sai của lượng mưa trên

đại bộ phận diện tích nước ta có giá trị từ -600 đến 0mm; ở đa phần diện tích Bắc Bộ và Nam Bộ có giá trị từ 0 đến 400mm.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VI-VIII trung bình thời kỳ 1971-2000, có khoảng 5 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 2 đến 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VI-VIII.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng V và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VI, VII và VIII/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của lúa, tuy nhiên với lượng mưa tháng còn thấp nên cần có các biện pháp cung cấp nước cho các cây trồng cần phát triển tốt hơn;

- Các loại sâu bệnh gây hại với diện hẹp, tuy nhiên cũng cần tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, hạn chế sự lây lan và bùng phát trên diện rộng.

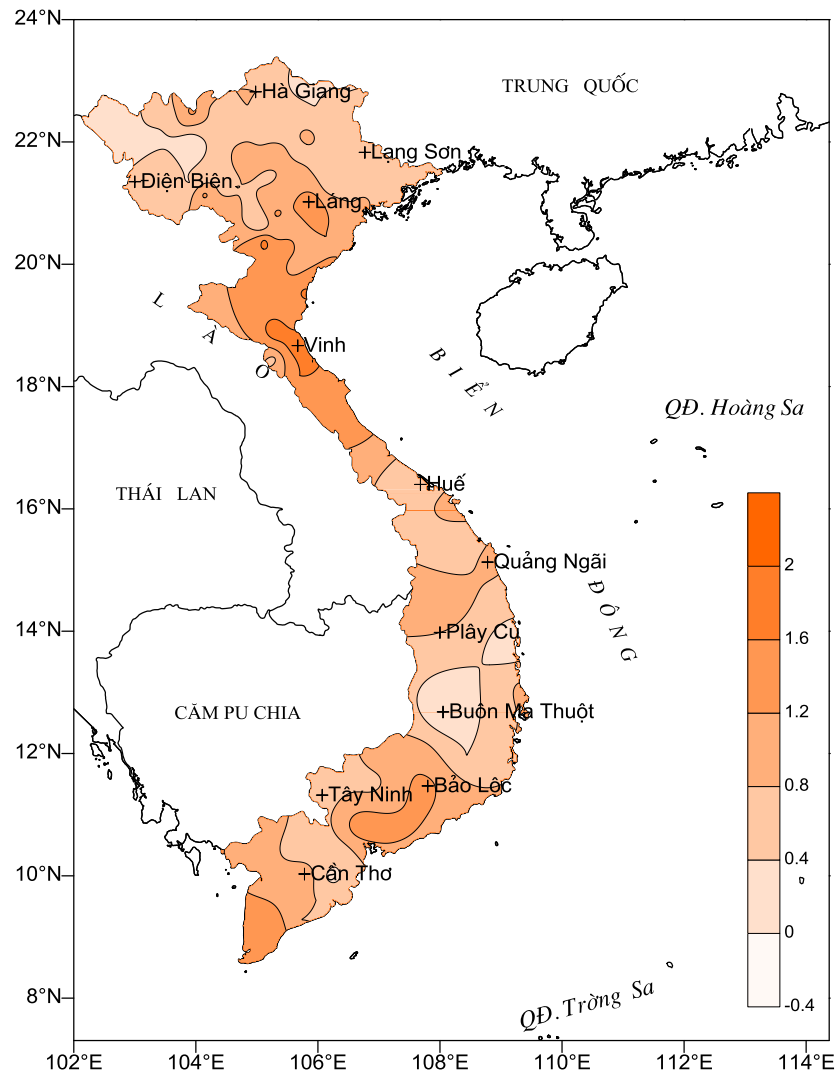
2. Miền Nam

- Thu hoạch phần còn lại của lúa đông xuân, tập trung làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu;

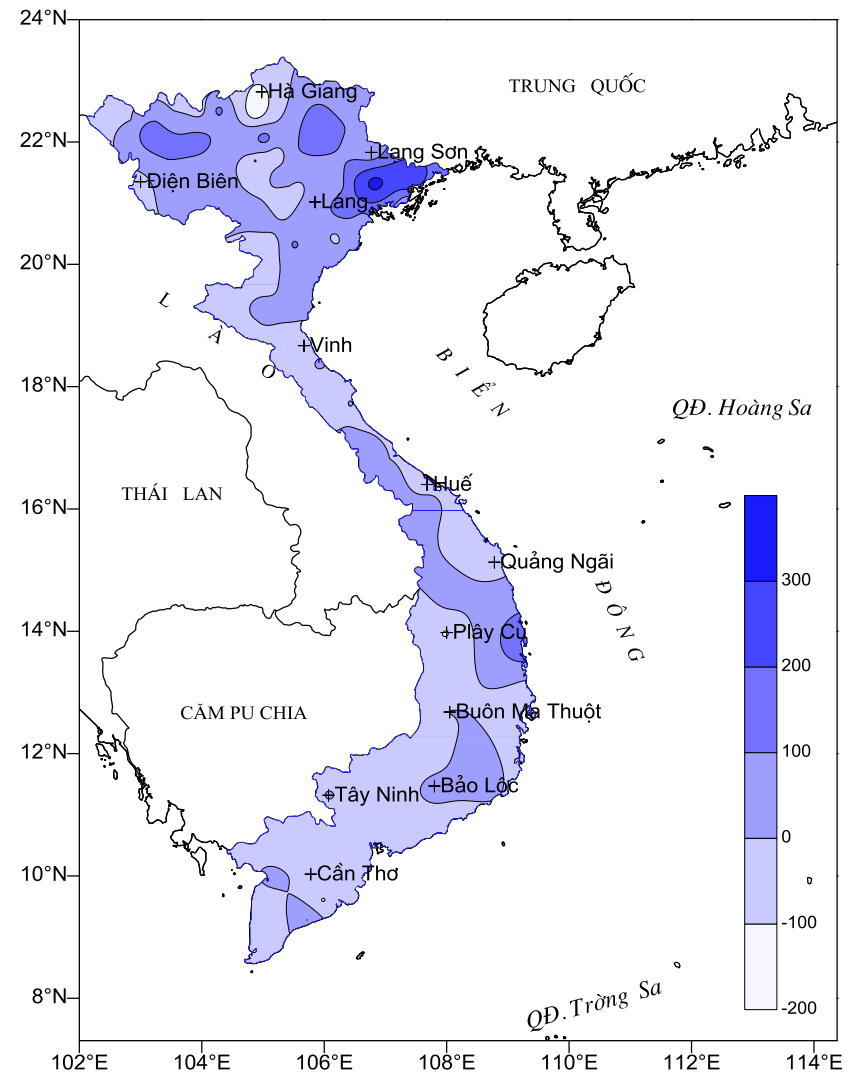
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

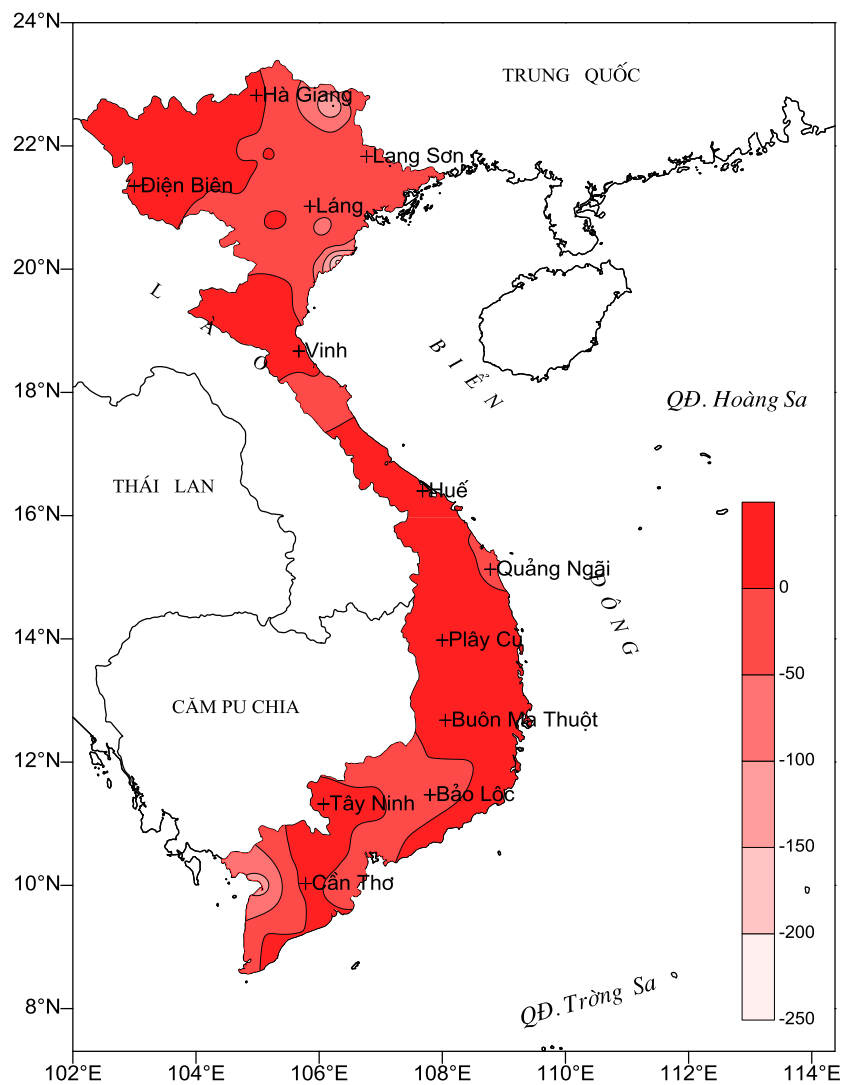
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VI, VII, VIII năm 2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VI năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng V năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



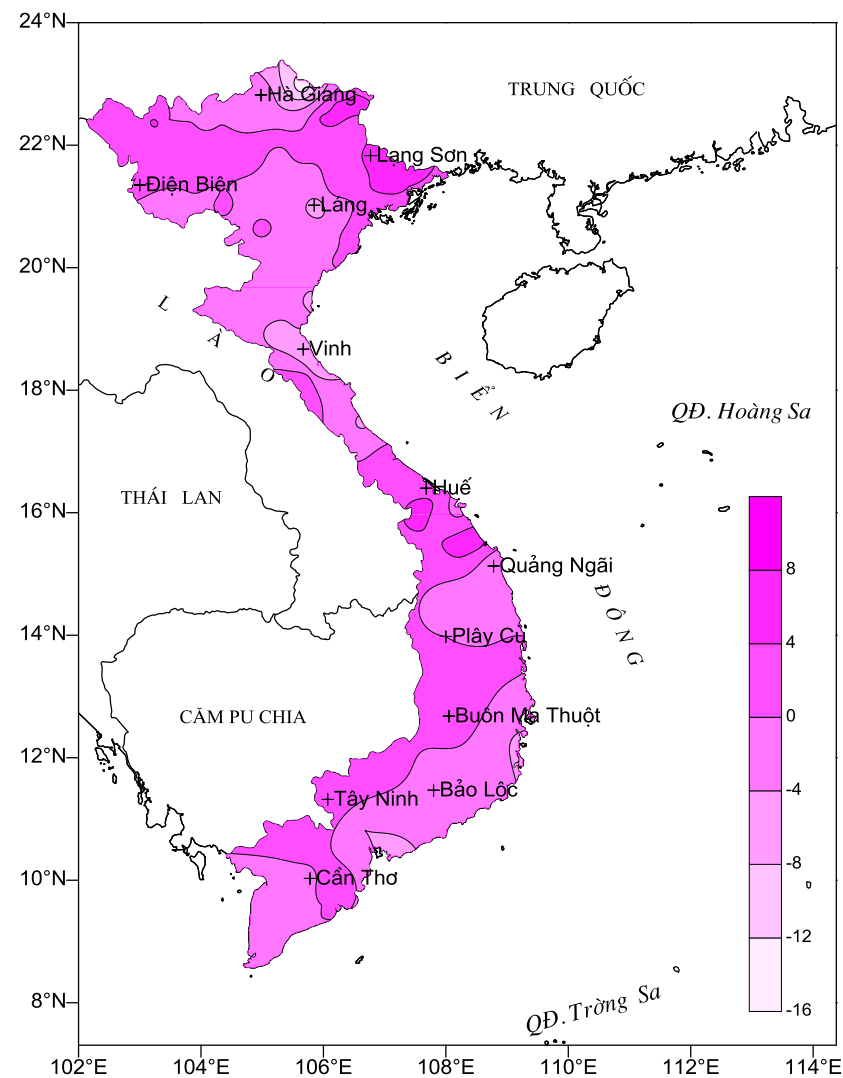
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2016 so với TBNN (°C)



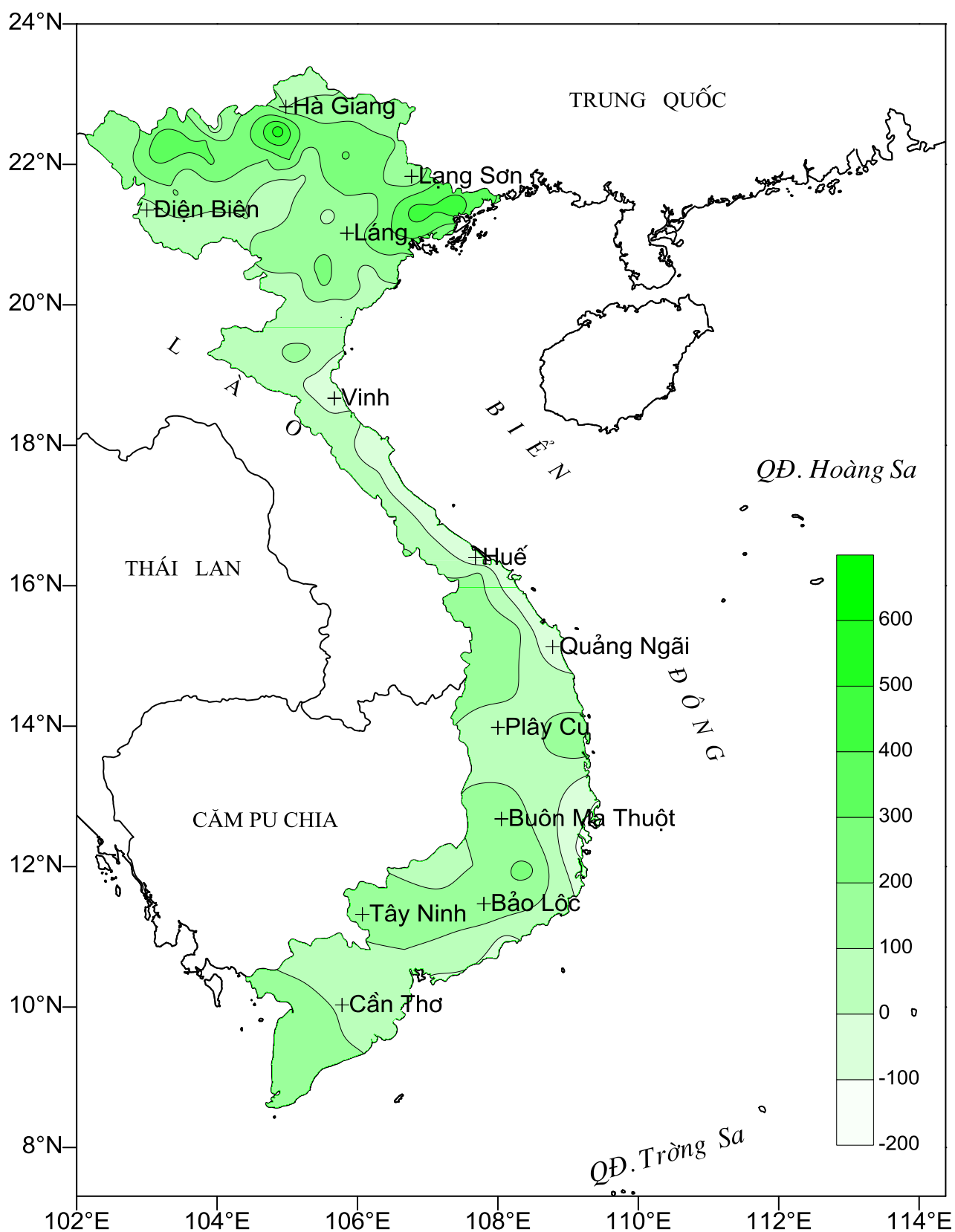
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2016 so với TBN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2016 so với TBN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2016 (mm)